

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) ngày 15/5/2026; Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh về kết quả Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Hiệu quả Kinh tế Tư nhân (BPI) của tỉnh Khánh Hòa năm 2025 như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ PCI 2.0 và BPI

1. Chỉ số PCI 2.0

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh phiên bản 2.0 (PCI 2.0) là bộ chỉ số thể hệ mới do VCCI nâng cấp và áp dụng từ năm 2025, nhằm đánh giá chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền địa phương và phản ánh thực chất hiệu quả phát triển của khu vực kinh tế tư nhân tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

PCI 2.0 không còn thuần túy đo lường việc cắt giảm thủ tục hành chính, mà chuyển dịch mạnh mẽ sang đánh giá chất lượng môi trường thể chế và chính quyền kiến tạo. Bộ chỉ số tập trung phản ánh các yếu tố chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế xanh và chất lượng quản trị địa phương. Phiên bản này được thiết kế để tương thích với cấu trúc quản lý mới sau sáp nhập địa giới hành chính (từ 63 xuống còn 34 tỉnh, thành phố) và cụ thể hóa định hướng coi kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

PCI 2.0 được cấu trúc lại tinh gọn theo thiết kế mô-đun mở gồm 09¹ chỉ số thành phần và 98 chỉ tiêu đánh giá thực chứng. Phân chia các địa phương theo sáu nhóm chất lượng điều hành: Rất tốt, Tốt, Khá, Trung bình, Tương đối thấp và Thấp.

2. Chỉ số BPI

Chỉ số Hiệu quả Kinh tế Tư nhân (BPI - Business Performance Index) là thước đo định lượng do VCCI triển từ năm 2025 nhằm đánh giá thực chất sức khỏe, quy mô và kết quả hoạt động trên thị trường của khu vực tư nhân.

¹ (1) Gia nhập thị trường; (2) Tiếp cận nguồn lực (vốn, đất đai,...); (3) Tính minh bạch; (4) Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; (5) Chi phí không chính thức; (6) Cạnh tranh bình đẳng; (7) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; (8) Thiết chế pháp lý; (9) Chính quyền kiến tạo.

Nếu bộ chỉ số PCI 2.0 đóng vai trò đo lường "đầu vào thể chế" (chất lượng phục vụ, nỗ lực cải cách của chính quyền), thì BPI là chiếc gương phản chiếu "đầu ra thị trường". Sứ mệnh của BPI không chỉ dừng lại ở việc xem xét các thủ tục hành chính được cắt giảm ra sao, mà đặt câu hỏi trực diện: Dưới sự điều hành đó, doanh nghiệp địa phương có thực sự lớn lên được không, có tạo thêm việc làm, có sinh lời và nâng được vị trí trong chuỗi giá trị hay không?

Chỉ số BPI được thiết kế toàn diện bao gồm 23 chỉ tiêu thực chứng, tập trung phân tích sâu vào hai chiều cạnh (mô-đun) cốt lõi của doanh nghiệp:

- Sự phát triển của khu vực tư nhân: Đánh giá dòng chảy sinh mệnh của doanh nghiệp qua các chỉ số về tỷ lệ sống sót, mức độ lớn lên về quy mô, khả năng tích lũy tài chính, tốc độ tăng trưởng doanh thu và năng lực tạo việc làm ổn định cho xã hội.

- Năng lực Đổi mới sáng tạo: Đi sâu vào đo lường mức độ đầu tư cho nghiên cứu & phát triển (R&D), hàm lượng ứng dụng khoa học kỹ thuật, mức độ chuyển đổi số và tỷ lệ cải tiến/phát triển thành công các dòng sản phẩm, dịch vụ mới trên thị trường.

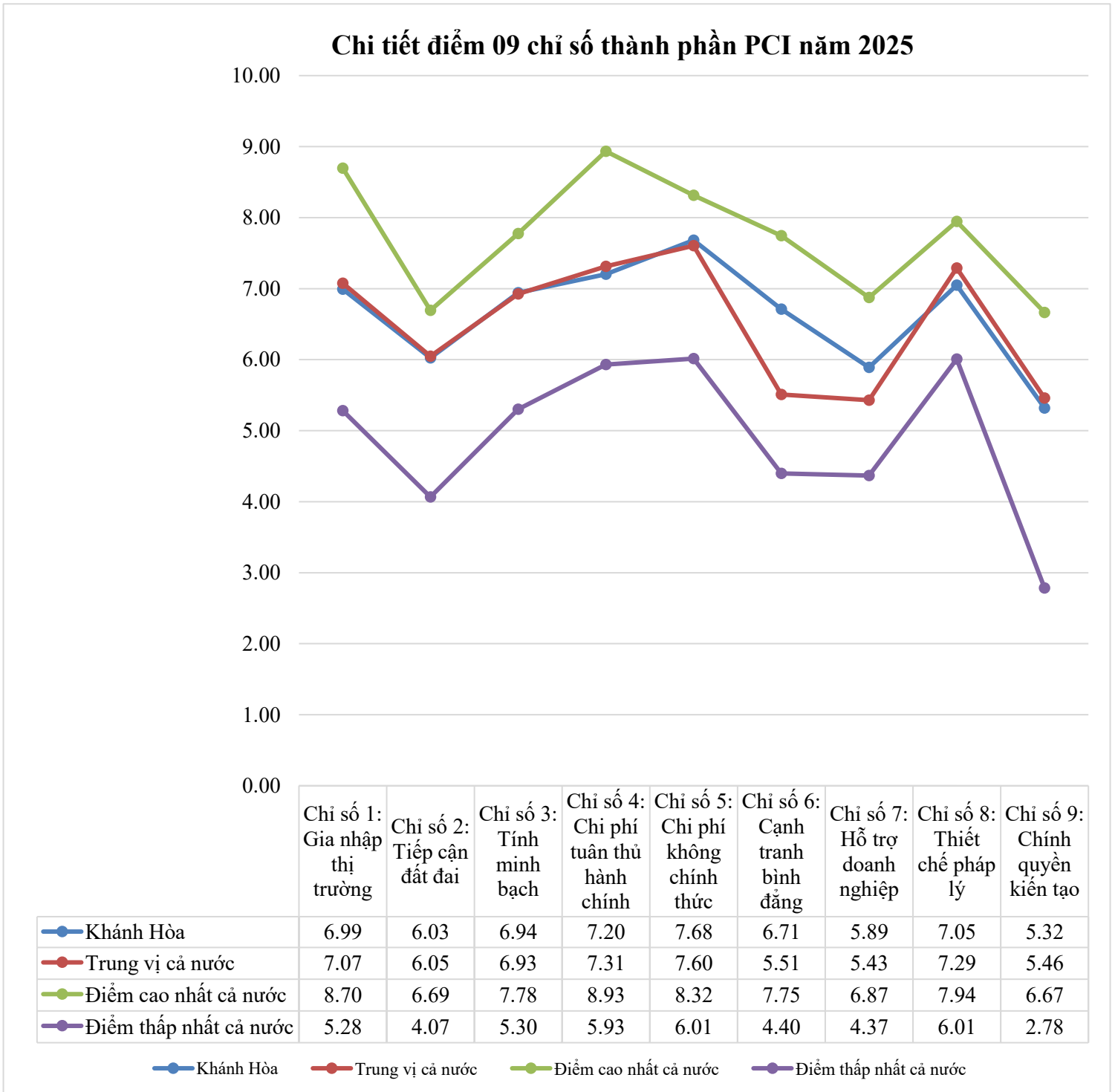
II. KẾT QUẢ CHUNG VỀ CHỈ SỐ PCI VÀ BPI CỦA TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2025

1. Chỉ số PCI

Báo cáo PCI năm 2025 có một thay đổi đáng chú ý so với các năm trước. Thay vì công bố bảng xếp hạng đơn bậc từ 01 đến 34 như thông lệ, VCCI chuyển sang công bố nhóm chất lượng điều hành gồm sáu mức là Rất tốt, Tốt, Khá, Trung bình, Tương đối thấp và Thấp, đi kèm thể điểm chi tiết của 09 chỉ số thành phần. Điểm số PCI tổng hợp của từng tỉnh không được công khai.

Điểm số PCI tỉnh Khánh Hòa năm 2025 cao hơn trung vị cả nước 1,49 điểm, cao hơn trung vị vùng 2,68 điểm và thấp hơn điểm cao nhất nước là 4,32 điểm, thuộc nhóm chất lượng điều hành Khá². Chi tiết điểm số của 09 chỉ số thành phần PCI năm 2025 của tỉnh Khánh Hòa như sau:

² Năm 2025 không có địa phương được xếp vào nhóm Rất tốt. Nhóm Tốt gồm có: Bắc Ninh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Phú Thọ, Quảng Ninh; nhóm Khá gồm có: An Giang, Đồng Nai, Gia Lai, Huế, Hưng Yên, Khánh Hòa, Lạng Sơn, Lào Cai, Lâm Đồng, Ninh Bình, Thái Nguyên, TP. Hồ Chí Minh, Tuyên Quang.

Biểu 1: Chi tiết điểm 09 chỉ số thành phần PCI năm 2025

2. Chỉ số BPI

Chỉ số Hiệu quả Kinh tế Tư nhân (BPI) năm 2025 của tỉnh Khánh Hòa đạt 4,17 điểm, xếp thứ 18/34 tỉnh, thành phố; trong khi đó điểm cao nhất cả nước là 5,67 điểm, điểm thấp nhất cả nước là 3,67 điểm và trung vị là 4,20 điểm. Chi tiết điểm số của 23 chỉ số thành phần BPI năm 2025 của tỉnh Khánh Hòa như sau:

Biểu 2: Chi tiết điểm 23 chỉ số thành phần BPI năm 2025

STT	Tên chỉ tiêu	Điểm số	Trung vị (cả nước)	Thấp nhất (cả nước)	Cao nhất (cả nước)
1	DN tư nhân thành lập mới trên 1.000 dân	1,51	1,12	0,35	4,33
2	Tỷ lệ thành lập doanh nghiệp mới (%)	19,55	23,61	14,73	38,27
3	DN đang hoạt động trên 1.000 dân	7,73	4,46	1,70	23,75
4	Tăng trưởng DN đang hoạt động (%)	0,91	3,07	-2,46	9,63
5	Tỷ lệ DN đang hoạt động (%)	80,64	77,27	66,69	95,69
6	Doanh thu trên mỗi lao động	1,42	1,90	0,74	4,57
7	Tăng trưởng doanh thu (%)	7,20	1,44	-9,87	43,53
8	Tăng trưởng lao động DN đang hoạt động (%)	6,32	2,45	-3,16	15,10
9	DN có lãi trong năm gần nhất (%)	53,00	60,43	48,62	72,60
10	DN có kế hoạch mở rộng trong 2 năm tới (%)	25,74	31,57	18,56	49,15
11	HKD phi NN trên 1.000 dân	50,89	49,76	22,73	74,21
12	Tăng trưởng lao động HKD phi NN (%)	1,45	1,19	-5,16	8,43
13	Tăng trưởng HKD phi NN (%)	2,26	1,43	-3,30	6,21
14	Hành động môi trường trong 2 năm gần nhất	3,92	3,81	1,15	5,66
15	Hành động môi trường trước 2 năm gần nhất	1,55	0,73	0,03	3,13
16	DN nhận hỗ trợ công nghệ sạch từ tỉnh (%)	0,28	0,35	0,09	0,61
17	DN có bộ phận hoặc nhân sự R&D (%)	9,62	4,97	0,97	14,43
18	DN chi ít nhất 3% doanh thu cho ĐMST và CDS (%)	3,85	3,11	0,00	25,00
19	Cải tiến quy trình KD trong 2 năm gần nhất	0,45	0,49	0,19	1,21
20	Mức độ sử dụng giải pháp số bình quân	1,24	1,26	1,10	1,81
21	DN tư nhân tham gia chuỗi cung ứng của DN FDI (%)	1,96	1,97	0,00	7,69
22	DN liên kết chuỗi cung ứng với DN tư nhân trong nước (%)	39,22	50,00	22,68	68,18
23	Đơn sáng chế và giải pháp hữu ích trên 1.000 DN	1,16	0,66	0,00	5,93

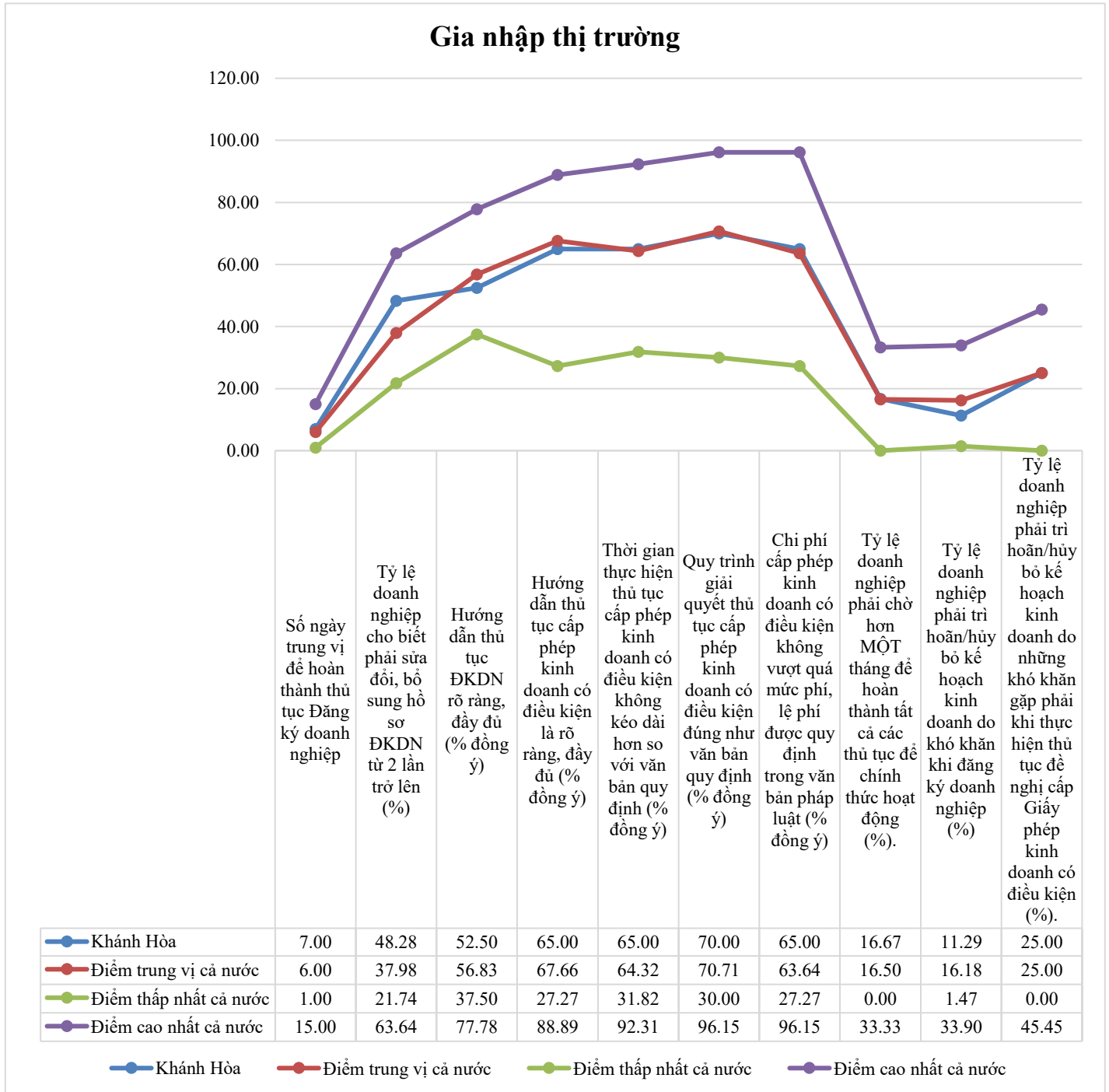
III. ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

1. Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

1.1. Chỉ số Gia nhập thị trường (trọng số 5%)

Năm 2025, chỉ số Gia nhập thị trường của tỉnh Khánh Hòa đạt 6,99 điểm, xếp thứ 9/34 tỉnh, thành phố; trong khi đó điểm thấp nhất cả nước là 5,28 điểm, điểm cao nhất cả nước là 8,70 điểm và trung vị cả nước là 7,07 điểm. Chi tiết kết quả từng chỉ tiêu thành phần của chỉ số Gia nhập thị trường như sau:

Biểu 3: Chỉ số Gia nhập thị trường



a) Kết quả đạt được:

Theo điều tra, đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu, một số chỉ tiêu được doanh nghiệp đánh giá khá tốt như: 65% doanh nghiệp cho rằng thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định; quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định; chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật; tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do khó khăn khi đăng ký doanh nghiệp thấp.

b) Tồn tại, hạn chế:

Vẫn còn một số chỉ tiêu doanh nghiệp chưa hài lòng như: Số ngày trung vị để hoàn thành thủ tục đăng ký doanh nghiệp còn cao (7 ngày); còn nhiều doanh nghiệp cho biết phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên (48,28%); 65% doanh nghiệp cho rằng việc hướng dẫn thủ tục đăng ký doanh nghiệp, cấp phép kinh doanh có điều kiện chưa rõ ràng, đầy đủ; vẫn còn 11,29% doanh nghiệp phản ánh phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động.

c) Đề xuất giải pháp khắc phục:

- Sở Tài chính phối hợp với Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh rà soát toàn bộ quy trình đăng ký doanh nghiệp, cắt giảm các khâu trung gian, phân đầu giảm thời gian trung vị hoàn thành thủ tục đăng ký doanh nghiệp từ 7 ngày xuống còn 3 - 5 ngày.

- Công khai chi tiết thành phần hồ sơ, biểu mẫu và video hướng dẫn thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, cấp phép kinh doanh có điều kiện trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; đồng thời bố trí đầu mối hỗ trợ trực tuyến nhằm giảm tỷ lệ doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ từ 2 lần trở lên.

- Triển khai ký số kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc nhóm đăng ký kinh doanh. Việc trả kết quả điện tử giúp rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục, giảm chi phí đi lại, in ấn, lưu trữ hồ sơ cho doanh nghiệp và người dân, qua đó nâng cao mức độ thuận tiện trong tiếp cận dịch vụ công. Đồng thời, quá trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả trên môi trường điện tử sẽ góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, hạn chế tiếp xúc trực tiếp, giảm nguy cơ phát sinh phiền hà, nhũng nhiễu, qua đó nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

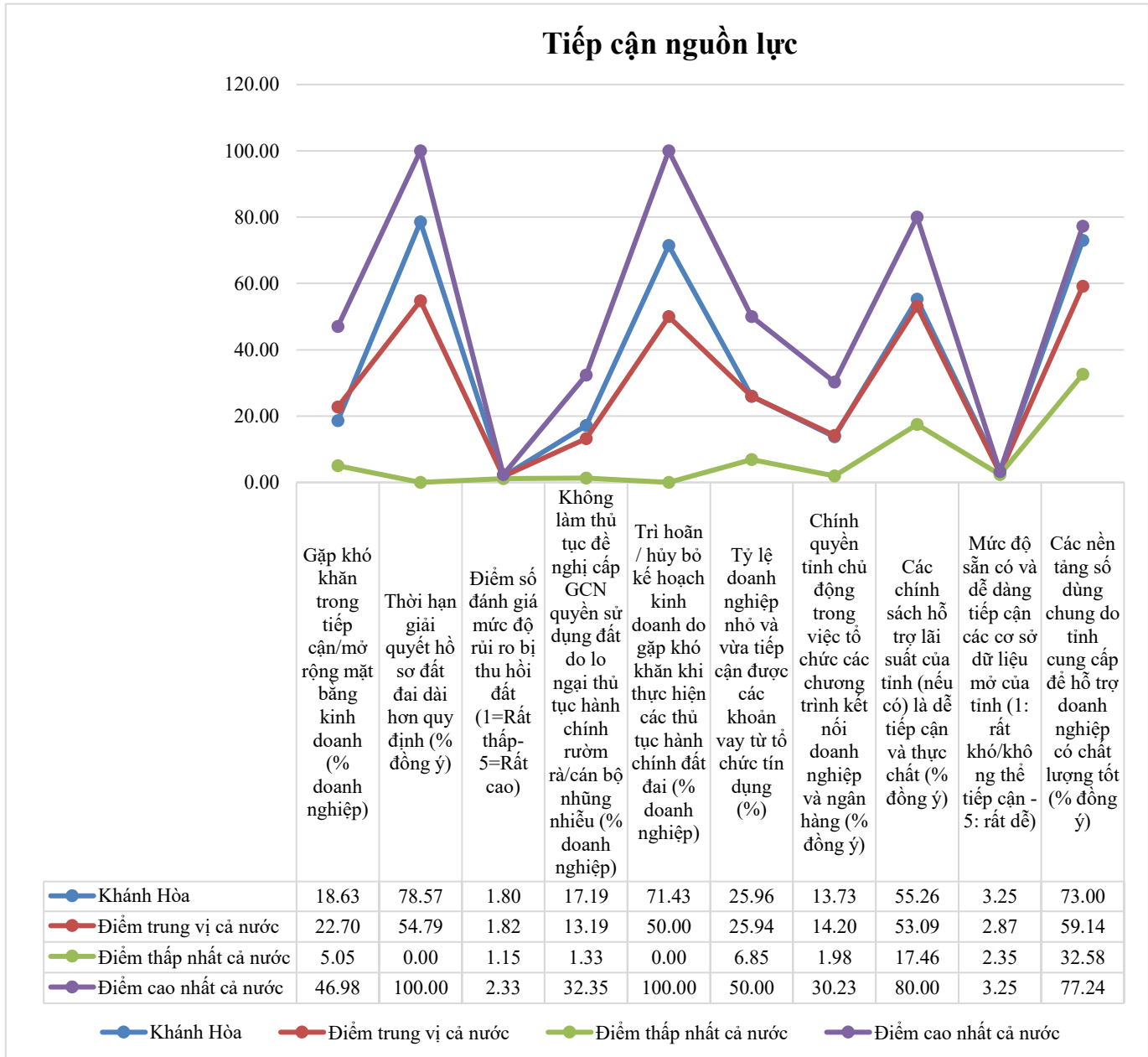
- Tăng cường trách nhiệm của cán bộ tiếp nhận, xử lý hồ sơ; thường xuyên theo dõi, nhắc tiến độ giải quyết thủ tục liên thông để giảm tình trạng doanh nghiệp phải chờ trên 01 tháng mới hoàn thành các thủ tục đi vào hoạt động.

- Khi xử lý hồ sơ trên hệ thống đăng ký kinh doanh, trong trường hợp yêu cầu bổ sung hồ sơ, đều thực hiện cung cấp số điện thoại và tên cán bộ trực tiếp xử lý hồ sơ nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho doanh nghiệp khi có vướng mắc liên hệ để được hỗ trợ, hướng dẫn trực tiếp.

1.2. Chỉ số Tiếp cận nguồn lực (trọng số 10%)

Chỉ số này của tỉnh Khánh Hòa năm 2025 đạt 6,03 điểm, xếp thứ 18/34 tỉnh, thành phố; trong khi đó điểm thấp nhất cả nước là 4,07 điểm, điểm cao nhất cả nước là 6,69 điểm và trung vị cả nước là 6,05 điểm. Chi tiết kết quả từng chỉ tiêu thành phần của chỉ số Tiếp cận nguồn lực như sau:

Biểu 4: Chỉ số Tiếp cận nguồn lực



a) Kết quả đạt được:

Theo kết quả đánh giá năm 2025, nhiều chỉ tiêu thành phần thuộc chỉ số Tiếp cận nguồn lực của tỉnh Khánh Hòa đã được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận có sự cải thiện tích cực. Tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận và mở rộng mặt bằng kinh doanh chỉ ở mức 18,63%, thấp hơn trung vị cả nước (22,70%), cho thấy tỉnh đang

có lợi thế về quỹ đất sạch và công tác quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp yên tâm đầu tư, mở rộng sản xuất. Mức độ sẵn có và dễ dàng tiếp cận các cơ sở dữ liệu mở của tỉnh đạt 3,25/5 điểm, đứng cao nhất cả nước, phản ánh nỗ lực trong công khai, minh bạch và số hóa thông tin kinh tế - xã hội phục vụ doanh nghiệp tra cứu, xây dựng dự án đầu tư. Bên cạnh đó, 73% doanh nghiệp đánh giá các nền tảng số dùng chung do tỉnh cung cấp có chất lượng tốt, cao hơn đáng kể so với mức trung vị cả nước (59,14%), cho thấy các hệ thống như Cổng dịch vụ công, ứng dụng công dân và doanh nghiệp đã từng bước đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng thực tế. Khả năng tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng được cải thiện khi tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận được các khoản vay từ tổ chức tín dụng đạt 25,96%, cao hơn trung vị cả nước (25,94%). Đồng thời, 55,26% doanh nghiệp đánh giá các chính sách hỗ trợ lãi suất của tỉnh là dễ tiếp cận và mang tính thực chất, cao hơn mức trung vị cả nước (53,09%), góp phần hỗ trợ doanh nghiệp ổn định và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những điểm tích cực, kết quả PCI năm 2025 đối với chỉ số Tiếp cận nguồn lực cũng cho thấy lĩnh vực đất đai vẫn là điểm nghẽn lớn trong môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Khánh Hòa. Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh thời gian giải quyết hồ sơ đất đai kéo dài hơn quy định lên tới 78,57%, cao hơn nhiều so với mức trung vị cả nước (54,79%), cho thấy tình trạng chậm trễ trong xử lý thủ tục hành chính đất đai vẫn diễn ra phổ biến; trung bình cứ 10 doanh nghiệp thì có khoảng 08 doanh nghiệp phản ánh tình trạng trễ hẹn. Mức độ rủi ro bị thu hồi đất được đánh giá ở mức 1,80/5 điểm, thấp hơn nhẹ so với trung vị cả nước (1,82 điểm), cho thấy doanh nghiệp vẫn còn tâm lý lo ngại về tính ổn định và lâu dài của quy hoạch, chính sách đất đai. Ngoài ra, tỷ lệ doanh nghiệp không thực hiện thủ tục đề nghị liên quan đến đất đai đạt 17,19%, cao hơn mức trung vị cả nước (13,19%), phản ánh tâm lý e ngại hoặc thiếu niềm tin vào khả năng xử lý thủ tục thuận lợi. Đáng chú ý, có tới 71,43% doanh nghiệp cho biết đã phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn trong thực hiện thủ tục đất đai, cao hơn rất nhiều so với mức trung vị cả nước (50%). Điều này cho thấy thủ tục đất đai đang tác động trực tiếp đến quyết định đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và cần sớm có giải pháp cải thiện mạnh mẽ trong thời gian tới.

c) Đề xuất giải pháp khắc phục:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường cùng các địa phương cần rà soát toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục đất đai, công khai thời gian xử lý từng khâu và xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Mục tiêu giảm tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh hồ sơ đất đai giải quyết chậm từ 78,57% xuống dưới mức trung vị cả nước (54,79%) trong thời gian tới. Đồng thời, cần tăng cường giám sát kỷ luật hành chính, xử lý nghiêm tình trạng đùn đẩy, kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ.

- Đẩy mạnh số hóa và công khai dữ liệu đất đai, quy hoạch và quỹ đất sạch trên nền tảng trực tuyến dùng chung của tỉnh. Toàn bộ thông tin về quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hằng năm, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, quỹ đất còn trống và

tiến độ xử lý hồ sơ cần được cập nhật công khai, minh bạch để doanh nghiệp dễ dàng tra cứu. Qua đó giảm tâm lý lo ngại về rủi ro bị thu hồi đất, đồng thời tạo niềm tin cho doanh nghiệp trong việc triển khai kế hoạch đầu tư dài hạn.

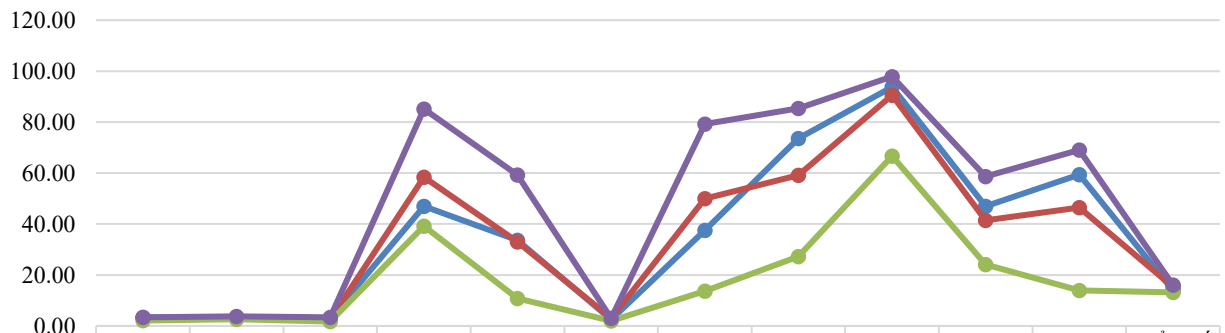
- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục đất đai và tiếp cận chính sách hỗ trợ. Thành lập hoặc nâng cao hiệu quả các tổ công tác hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương nhằm hướng dẫn trực tiếp, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, đầu tư, xây dựng. Phấn đấu giảm tỷ lệ doanh nghiệp trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do khó khăn thủ tục đất đai từ 71,43% xuống mức tiệm cận trung vị cả nước; đồng thời giảm tỷ lệ doanh nghiệp không thực hiện thủ tục đề nghị liên quan đến đất đai do e ngại thủ tục rườm rà, những nhiễu.

1.3. Chỉ số Tính minh bạch (trọng số 15%)

Năm 2025, chỉ số Tính minh bạch của tỉnh Khánh Hòa đạt 6,94 điểm, xếp thứ 16/34 tỉnh, thành phố, cao hơn trung vị cả nước (6.93 điểm); trong khi điểm cao nhất cả nước là 7,78 điểm và điểm thấp nhất cả nước là 5,3 điểm. Chi tiết kết quả từng chỉ tiêu thành phần của chỉ số Tính minh bạch như sau:

Biểu 5: Chỉ số Tính minh bạch

Tính minh bạch



— Khánh Hòa — Điểm trung vị cả nước — Điểm thấp nhất cả nước — Điểm cao nhất cả nước

a) Kết quả đạt được:

Theo kết quả khảo sát PCI năm 2025, tỉnh Khánh Hòa được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá tích cực ở nhiều chỉ tiêu liên quan đến tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin. Trong đó, khả năng tiếp cận tài liệu quy hoạch, tài liệu pháp lý được đánh giá cao nhất cả nước, cho thấy việc công khai, minh bạch thông tin quy hoạch, cơ chế chính sách và văn bản pháp lý của tỉnh được thực hiện hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp dễ dàng tra cứu, tiếp cận thông tin và chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, các hiệp hội doanh nghiệp được đánh giá có vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng chính sách của tỉnh với tỷ lệ 73,53%, cao hơn mức trung vị cả nước (59,17%), thể hiện sự quan tâm của tỉnh trong việc phát huy vai trò cầu nối của các hiệp hội doanh nghiệp trong phản ánh kiến nghị, tham gia góp ý cơ chế, chính sách, góp phần nâng cao tính thực tiễn và phù hợp của các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

Ngoài ra, mức độ kịp thời nhận được thông tin dự thảo chính sách đạt 2,5/5 điểm, cao hơn trung vị cả nước (2,0 điểm), cho thấy công tác lấy ý kiến doanh nghiệp đối với các dự thảo văn bản đã được triển khai tương đối kịp thời. Hoạt động đấu thầu công khai, minh bạch đạt 93,75%, cao hơn mức trung vị cả nước (90,54%), phản ánh quy trình đấu thầu qua mạng của tỉnh được kiểm soát khá tốt, tạo niềm tin cho doanh nghiệp trong tiếp cận các dự án đầu tư công. Đồng thời, các chỉ tiêu về khả năng dự liệu việc thực thi quy định pháp luật của Trung ương (47%) và khả năng dự liệu thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (59,41%) đều cao hơn trung vị cả nước, cho thấy quy trình ban hành và thực thi văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh tương đối ổn định, nhất quán, hạn chế tình trạng thay đổi chính sách đột ngột gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số chỉ tiêu doanh nghiệp chưa thực sự hài lòng. Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng cần có “mối quan hệ” để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc thuận lợi ở mức 33,65%, cao hơn trung vị cả nước (32,97%), cho thấy tính công bằng và minh bạch trong tiếp cận thông tin, giải quyết thủ tục hành chính vẫn chưa thực sự đồng đều. Đặc biệt, tỷ lệ doanh nghiệp nhận được phản hồi thỏa đáng sau khi gửi kiến nghị chỉ đạt 37,5%, thấp hơn khá nhiều so với trung vị cả nước (50%) và cách biệt lớn với địa phương dẫn đầu (79,25%). Điều này cho thấy công tác tiếp nhận, xử lý và phản hồi kiến nghị doanh nghiệp của một số cơ quan, đơn vị còn chậm, chưa đi vào thực chất; vẫn còn tình trạng phản hồi chung chung, chưa giải quyết đúng trọng tâm khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

c) Đề xuất giải pháp khắc phục:

- Tiếp tục đẩy mạnh công khai, minh bạch thông tin quy hoạch, chính sách, thủ tục hành chính và tiến độ xử lý hồ sơ trên môi trường số; hạn chế tình trạng doanh nghiệp phải thông qua “mối quan hệ” để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc.

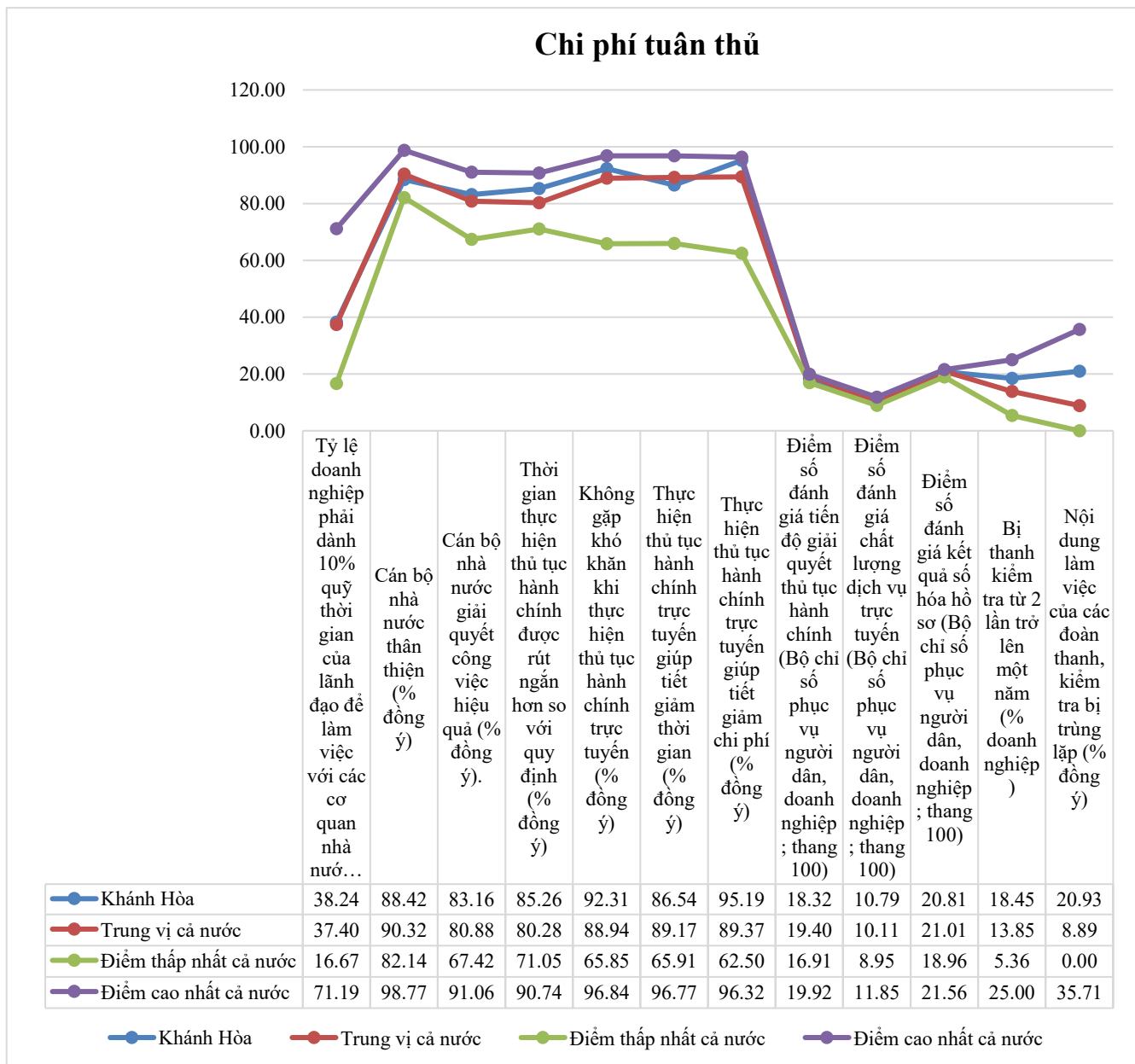
- Nâng cao trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong tiếp nhận và phản hồi kiến nghị doanh nghiệp; quy định rõ thời hạn xử lý, trả lời kiến nghị, hạn chế tình trạng phản hồi chậm, né tránh hoặc trả lời chung chung.

- Phát huy vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp trong tổng hợp khó khăn, vướng mắc và tham gia góp ý chính sách; tăng cường các hội nghị đối thoại doanh nghiệp theo chuyên đề nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

1.4. Chỉ số Chi phí tuân thủ (trọng số 10%)

Năm 2025, chỉ số Chi phí tuân thủ của tỉnh Khánh Hòa đạt 7,2 điểm, xếp thứ 21/34 tỉnh, thành phố; trong khi đó điểm cao nhất cả nước là 8,93 điểm, điểm thấp nhất cả nước là 5,93 điểm và trung vị cả nước là 7,31 điểm. Chi tiết kết quả từng chỉ tiêu thành phần của chỉ số Chi phí tuân thủ như sau:

Biểu 6: Chỉ số Chi phí tuân thủ



a) Kết quả đạt được:

Kết quả năm 2025 cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thời gian thực hiện thủ tục hành chính được rút ngắn hơn so với quy định đạt 85,26%, cao hơn mức trung vị cả nước (80,28%), cho thấy nỗ lực cải cách, cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ của tỉnh đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Bên cạnh đó, có tới 92,31% doanh nghiệp cho biết không gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, cao hơn mức trung vị cả nước (88,94%) và tiệm cận với địa phương dẫn đầu cả nước (96,84%), phản ánh hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng, giao diện thân thiện và thuận tiện cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, 95,19% doanh nghiệp đánh giá thủ tục trực tuyến giúp tiết giảm chi phí, cao hơn mức trung vị cả nước (89,37%) và gần đạt mức cao nhất cả nước (96,32%). Điều này cho thấy việc đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số đã góp phần giảm đáng kể chi phí về thời gian, in ấn hồ sơ, đi lại và các chi phí phát sinh khác cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

b) Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn một số chỉ tiêu doanh nghiệp chưa thực sự hài lòng. Tỷ lệ quỹ thời gian của lãnh đạo doanh nghiệp phải dành cho việc tuân thủ thủ tục hành chính ở mức 38,24%, cao hơn trung vị cả nước (37,40%), cho thấy gánh nặng thủ tục hành chính vẫn ảnh hưởng nhất định đến hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về thái độ và hiệu quả làm việc của cán bộ đạt lần lượt 88,42% và 83,16%, thấp hơn mức trung vị cả nước. Điều này cho thấy mặc dù đội ngũ cán bộ được đánh giá có chuyên môn và trách nhiệm trong xử lý công việc, tuy nhiên thái độ phục vụ và tính thân thiện đối với người dân, doanh nghiệp vẫn cần tiếp tục được cải thiện.

Ngoài ra, tỷ lệ doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra từ hai lần trở lên trong năm ở mức 18,45%, cao hơn trung vị cả nước (13,85%); đặc biệt tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh nội dung thanh tra, kiểm tra bị trùng lặp lên tới 29,93%, cao hơn rất nhiều so với trung vị cả nước (8,89%). Điều này cho thấy hoạt động thanh tra, kiểm tra giữa các cơ quan vẫn còn chồng chéo, gây ảnh hưởng đến thời gian và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

c) Đề xuất giải pháp khắc phục:

- Đảm bảo 100% quy trình từ nộp, ký số hồ sơ, thanh toán lệ phí đến trả kết quả (bản điện tử có ký số của cơ quan nhà nước) được thực hiện khép kín trên mạng để tiết giảm chi phí đi lại và in ấn cho doanh nghiệp.

- Gắn kết quả đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp với công tác thi đua, xếp loại cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính; công khai đường dây nóng, mã QR phản ánh tại bộ phận một cửa để doanh nghiệp phản ánh ngay thái độ phục vụ chưa phù hợp, qua đó kịp thời chấn chỉnh và xử lý các trường hợp gây phiền hà cho doanh nghiệp.

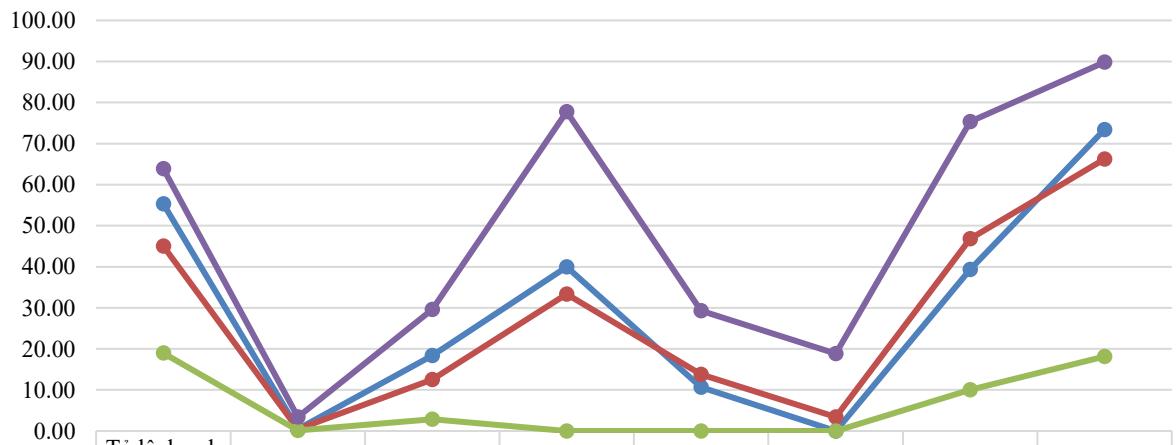
- Tất cả các sở chuyên ngành và UBND cấp xã phải cập nhật kế hoạch thanh, kiểm tra doanh nghiệp lên hệ thống dùng chung ngay từ đầu năm. Phần mềm sẽ tự động quét và từ chối các kế hoạch có sự trùng lặp về đối tượng doanh nghiệp hoặc trùng lặp về nội dung kiểm tra. Khi xảy ra trùng lặp (ví dụ cả hai ngành cùng muốn kiểm tra một nội dung), Thanh tra tỉnh phải đứng ra điều phối, thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành duy nhất để làm việc một lần với doanh nghiệp.

1.5. Chỉ số Chi phí không chính thức (trọng số 10%)

Năm 2025, chỉ số Chi phí không chính thức của tỉnh Khánh Hòa đạt 7,68 điểm, xếp thứ 13/34 tỉnh, thành phố; trong khi đó điểm cao nhất cả nước là 8,32 điểm, điểm thấp nhất cả nước là 6,01 điểm và trung vị cả nước là 7,60 điểm. Chi tiết kết quả từng chỉ tiêu thành phần của chỉ số Chi phí không chính thức như sau:

Biểu 7: Chỉ số Chi phí không chính thức

Chi phí không chính thức



— Khánh Hòa — Trung vị cả nước — Điểm thấp nhất cả nước — Điểm cao nhất cả nước

a) Kết quả đạt được:

Theo kết quả khảo sát PCI năm 2025, tỉnh Khánh Hòa có một số chỉ tiêu được doanh nghiệp đánh giá tích cực trong công tác kiểm soát chi phí không chính thức. Mức trung bình số lĩnh vực quản lý phát sinh chi phí không chính thức đạt 0,42 điểm,

thấp hơn mức trung vị cả nước (0,46), cho thấy các khoản chi phí ngoài quy định chủ yếu phát sinh ở một số lĩnh vực nhất định, chưa diễn ra phổ biến trên diện rộng. Đặc biệt, tỷ lệ doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho chi phí không chính thức ở mức 0%, thuộc nhóm tốt nhất cả nước, cho thấy tỉnh đã kiểm soát khá hiệu quả tình trạng phát sinh các khoản chi phí ngoài quy định có giá trị lớn, gây áp lực tài chính cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng tình trạng “chạy án” là phổ biến chỉ ở mức 10,64%, thấp hơn mức trung vị cả nước (13,81%). Điều này cho thấy các cơ quan tư pháp của tỉnh từng bước tạo được niềm tin đối với cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư trong việc giải quyết các vụ việc liên quan đến pháp luật và tranh chấp kinh tế.

b) Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù có chuyển biến tích cực, song tình trạng chi phí không chính thức vẫn còn tồn tại và là vấn đề doanh nghiệp quan tâm. Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thường xuyên phải chi trả chi phí không chính thức lên tới 55,34%, cao hơn đáng kể so với mức trung vị cả nước (45,03%). Điều này cho thấy các khoản chi ngoài quy định vẫn tồn tại như một “thói quen” trong quá trình giải quyết công việc giữa doanh nghiệp với một số cơ quan, đơn vị.

Ngoài ra, tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh hoạt động thanh tra, kiểm tra có phát sinh chi phí không chính thức ở mức 18,37%, cao hơn mức trung vị cả nước (12,50%), cho thấy vẫn còn tình trạng lợi dụng hoạt động thanh tra, kiểm tra để gây phiền hà cho doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng phải chi trả chi phí không chính thức để đảm bảo trúng thầu đạt 40%, cao hơn mức trung vị cả nước (33,33%), phản ánh môi trường đấu thầu vẫn chưa thực sự cạnh tranh, minh bạch. Đáng chú ý, có tới 73,44% doanh nghiệp nhận định việc chi trả chi phí không chính thức giúp giải quyết công việc thuận lợi hơn, cao hơn mức trung vị cả nước (66,25%). Điều này cho thấy tâm lý “bôi trơn” trong giải quyết công việc hành chính vẫn còn phổ biến và cần có giải pháp quyết liệt để chấn chỉnh trong thời gian tới.

c) Đề xuất giải pháp khắc phục:

- Thanh tra tỉnh phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh xây dựng kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp về chi phí không chính thức, bảo đảm tính bảo mật thông tin và danh tính doanh nghiệp phản ánh.

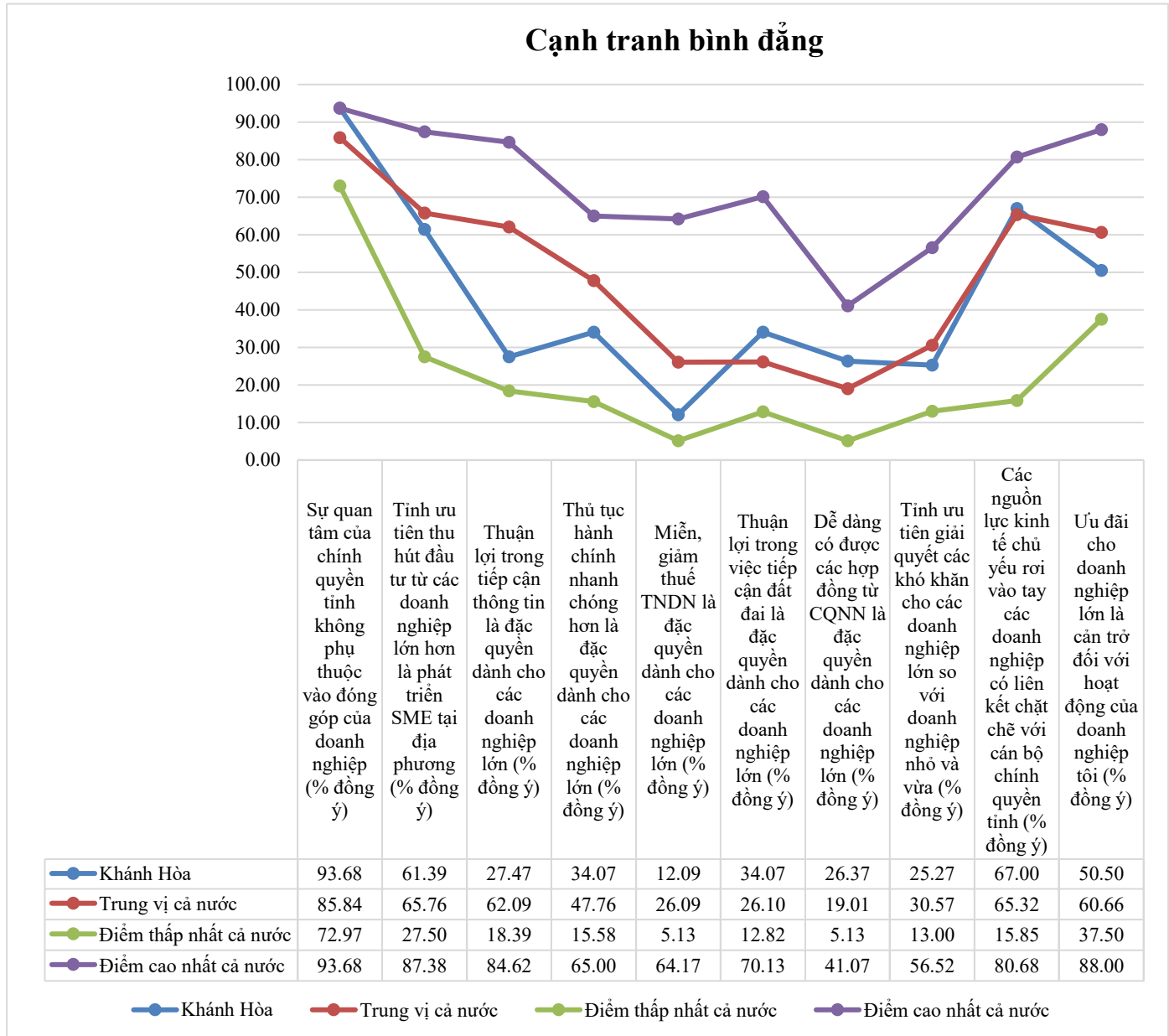
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và UBND cấp xã công khai tiến độ xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử theo thời gian thực; hiển thị rõ trạng thái, thời gian và đơn vị xử lý hồ sơ để doanh nghiệp thuận tiện theo dõi, giám sát. Đồng thời, triển khai giám sát camera tại 100% Trung tâm Phục vụ hành chính công và áp dụng đánh giá mức độ hài lòng thông qua QR Code ngay sau khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Đề cao trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp gây phiền hà, chậm trễ hoặc phát sinh chi phí không chính thức cho doanh nghiệp.

1.6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng (trọng số 10%)

Năm 2025, chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của tỉnh Khánh Hòa đạt 6,71 điểm, xếp thứ 8/34 tỉnh, thành phố; trong khi đó điểm cao nhất cả nước là 7,75 điểm, điểm thấp nhất cả nước 4,40 điểm và trung vị cả nước là 5,51 điểm. Chi tiết kết quả từng chỉ tiêu thành phần của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng như sau:

Biểu 8: Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng



a) Kết quả đạt được:

Theo kết quả khảo sát PCI năm 2025, tỉnh Khánh Hòa được đánh giá tích cực về tính bình đẳng trong môi trường đầu tư kinh doanh. Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng sự quan tâm của chính quyền không phụ thuộc vào mức độ đóng góp của doanh nghiệp đạt 93,68%, cao nhất cả nước, cho thấy tư duy phục vụ và tinh thần đồng hành với

doanh nghiệp của chính quyền địa phương được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận tích cực.

Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về đặc quyền tiếp cận thông tin và thủ tục hành chính của doanh nghiệp lớn lần lượt ở mức 27,47% và 34,07%, thấp hơn nhiều so với mức trung vị cả nước (62,09% và 47,76%), phản ánh môi trường kinh doanh của tỉnh cơ bản bảo đảm tính công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các quy mô khác nhau. Đồng thời, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng doanh nghiệp lớn được ưu tiên miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ ở mức 12,09%, thấp hơn nhiều so với trung vị cả nước (26,09%), cho thấy công tác thực thi chính sách thuế trên địa bàn tỉnh tương đối minh bạch và bình đẳng.

Ngoài ra, tỷ lệ doanh nghiệp nhận định tỉnh ưu tiên giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp lớn ở mức 25,27%, thấp hơn mức trung vị cả nước (30,57%), cho thấy chính quyền tỉnh đã có sự quan tâm, hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng tương đối đồng đều, không phân biệt quá lớn giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình xử lý khó khăn, vướng mắc.

b) Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù môi trường kinh doanh được đánh giá có tính bình đẳng khá cao, tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề khiến doanh nghiệp nhỏ và vừa lo ngại. Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng việc tiếp cận đất đai là lợi thế chủ yếu của doanh nghiệp lớn ở mức 34,07%, cao hơn mức trung vị cả nước (26,10%). Điều này cho thấy doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận quỹ đất sản xuất kinh doanh, đặc biệt tại các khu vực có quỹ đất sạch hoặc các dự án quy mô lớn.

Bên cạnh đó, có tới 67% doanh nghiệp lo ngại nguồn lực kinh tế chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp có mối liên kết chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước, phản ánh mức độ niềm tin của doanh nghiệp về tính công bằng trong tiếp cận cơ hội kinh doanh vẫn còn hạn chế. Ngoài ra, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng các chính sách ưu đãi dành cho doanh nghiệp lớn đang tạo áp lực cạnh tranh đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa ở mức 50,50%. Mặc dù thấp hơn mức trung vị cả nước (60,66%), nhưng vẫn cho thấy một bộ phận doanh nghiệp địa phương còn cảm nhận sự chênh lệch về cơ hội tiếp cận nguồn lực và chính sách hỗ trợ trong quá trình phát triển sản xuất kinh doanh.

c) Đề xuất giải pháp khắc phục:

- Quy hoạch và bố trí quỹ đất sạch dành riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; ưu tiên dành một tỷ lệ phù hợp trong các khu, cụm công nghiệp mới để phân chia thành các lô đất có diện tích phù hợp với năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

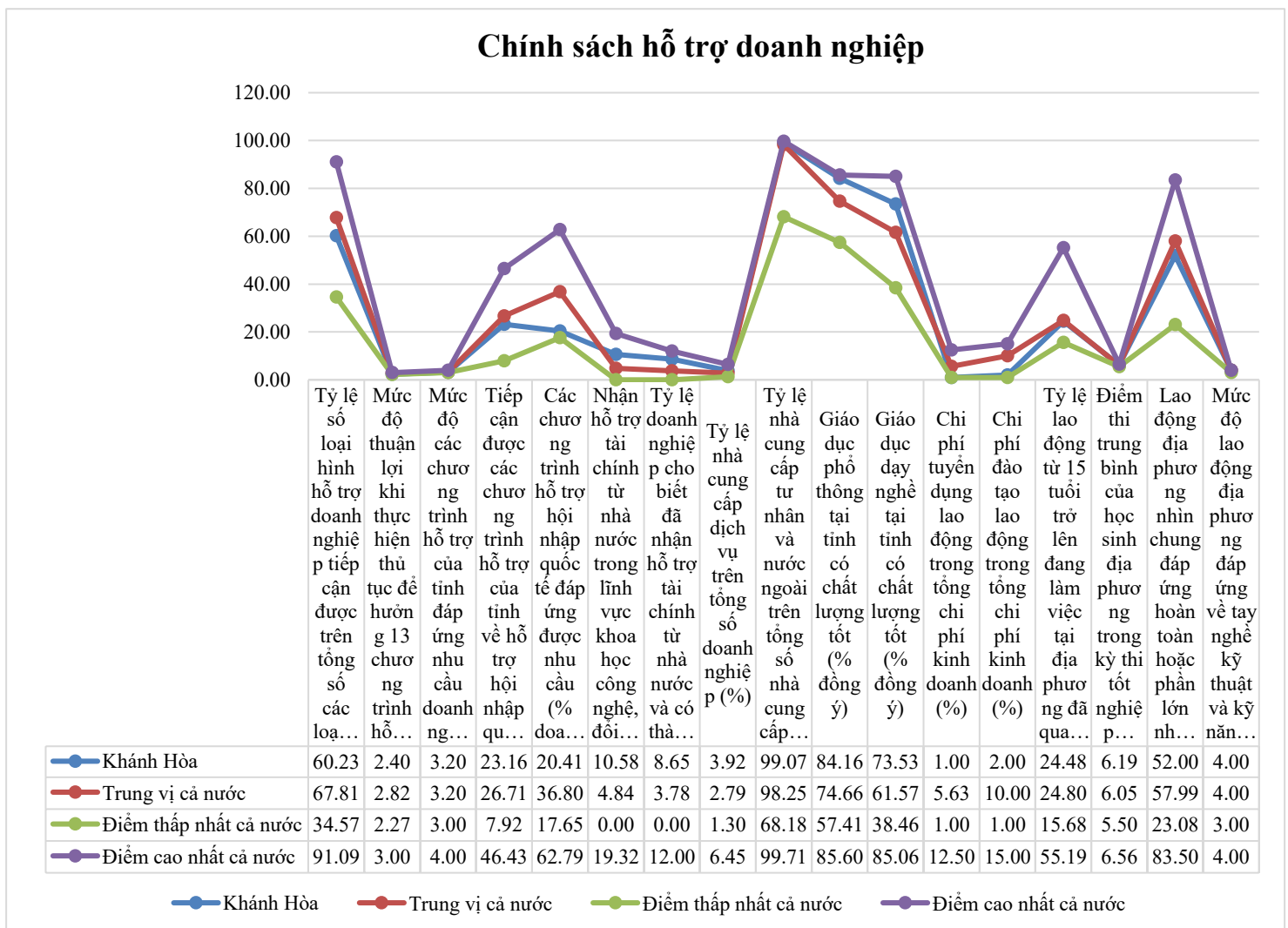
- Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ chi phí thuê đất, hạ tầng kỹ thuật hoặc ưu đãi về thuế, phí đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khi đầu tư, di dời vào các khu, cụm công nghiệp tập trung nhằm tạo điều kiện mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh.

- Khi triển khai các dự án đầu tư lớn hoặc dự án đầu tư công, cần lồng ghép cơ chế khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp lớn ưu tiên sử dụng nhà thầu phụ, dịch vụ, vật tư và logistics từ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương, qua đó tăng cường liên kết chuỗi cung ứng và tạo cơ hội cho doanh nghiệp trong tỉnh tham gia sâu hơn vào các dự án quy mô lớn.

1.7. Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (trọng số 15%)

Năm 2025, Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh Khánh Hòa đạt 5,89 điểm, xếp thứ 05/34 tỉnh, thành phố; trong khi đó điểm trung vị cả nước là 5,43 điểm, điểm thấp nhất cả nước là 4,37 điểm và điểm cao nhất cả nước là 6,87 điểm. Chi tiết kết quả từng chỉ tiêu thành phần của chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như sau:

Biểu 9: Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp



a) Kết quả đạt được:

Chỉ tiêu thành phần chi phí tuyển dụng (1.00%) và chi phí đào tạo (2.00%) trong tổng chi phí kinh doanh xếp hạng cao nhất cả nước, cho thấy nguồn lao động của tỉnh Khánh Hòa được đánh giá cao cả về chất lượng và số lượng, dẫn đến chi phí để tuyển dụng và đào tạo không tốn kém quá nhiều cho doanh nghiệp. Đồng thời, mức độ đáp

ứng của lao động địa phương về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số đạt 4 điểm, bằng mức cao nhất cả nước, tiếp tục khẳng định chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh đáp ứng khá tốt nhu cầu của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số và đổi mới công nghệ.

Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp nhận được hỗ trợ tài chính từ Nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 10,58%, cao hơn mức trung vị cả nước (4,84%), cho thấy tỉnh đã quan tâm thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ doanh nghiệp nhận hỗ trợ tài chính có thành phần từ cấp tỉnh đạt 8,65%, cao hơn mức trung vị cả nước (3,78%), phản ánh các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh từng bước được triển khai và tiếp cận đến cộng đồng doanh nghiệp.

Ngoài ra, tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ đạt 99,07%, tiệm cận với địa phương cao nhất cả nước, cho thấy môi trường cung cấp dịch vụ của tỉnh có tính cạnh tranh và xã hội hóa cao. Chất lượng giáo dục phổ thông được doanh nghiệp đánh giá tốt với tỷ lệ 84,16%, nằm sát nhóm cao nhất cả nước; trong khi chất lượng giáo dục nghề nghiệp đạt 73,53%, cao hơn mức trung vị cả nước (61,57%), khẳng định hệ thống các cơ sở đào tạo nghề, cao đẳng của tỉnh Khánh Hòa cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, song công tác hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh vẫn còn một số hạn chế cần tiếp tục khắc phục. Độ phủ của các loại hình hỗ trợ doanh nghiệp đạt 60,23% và mức độ đáp ứng hỗ trợ hội nhập quốc tế đạt 20,41%, đều thấp hơn mức trung vị cả nước, cho thấy danh mục và phạm vi hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh chưa thực sự đa dạng, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của nhiều nhóm doanh nghiệp và ngành nghề khác nhau.

Bên cạnh đó, mức độ thuận lợi khi thực hiện thủ tục để hưởng các chính sách hỗ trợ chỉ đạt 2,4/5 điểm, thấp hơn mức trung vị cả nước (2,82 điểm). Điều này cho thấy quy trình, thủ tục để tiếp cận các chính sách hỗ trợ còn phức tạp, nhiều khâu, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện; một số doanh nghiệp còn tâm lý e ngại, chưa mặn mà tiếp cận chính sách do thủ tục rườm rà và thời gian xử lý kéo dài.

c) Đề xuất giải pháp khắc phục:

- Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch cùng các đơn vị liên quan rà soát, mở rộng danh mục các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng đa dạng lĩnh vực, ngành nghề; ưu tiên các nội dung hỗ trợ về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, chuyển đổi xanh và hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng, thị trường quốc tế.

- Xây dựng chuyên trang điện tử tổng hợp toàn bộ chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh theo hướng dễ tra cứu, dễ tiếp cận; công khai rõ điều kiện, thành phần hồ sơ,

quy trình và thời gian giải quyết để doanh nghiệp dễ dàng theo dõi và đăng ký tham gia.

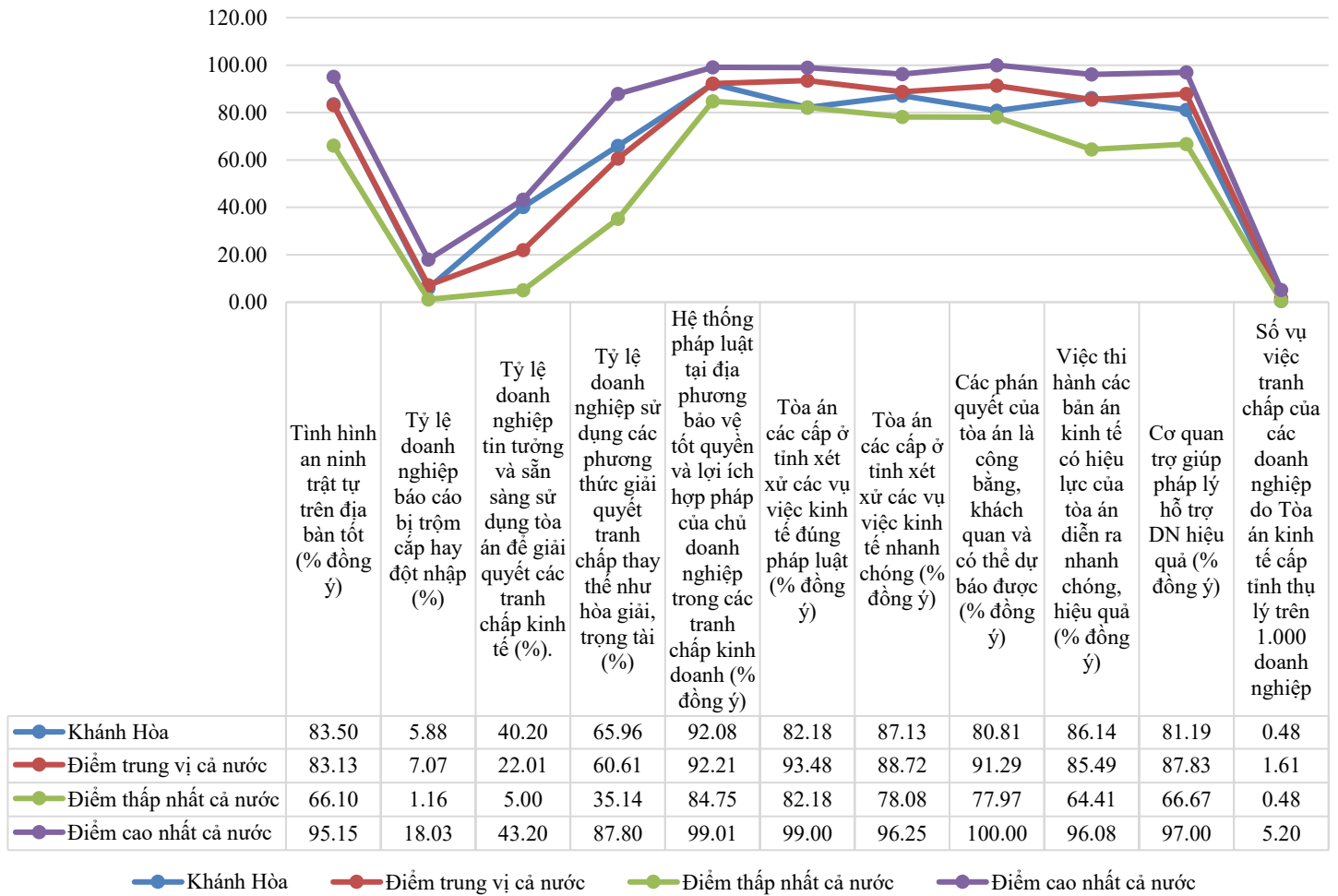
- Đơn giản hóa thủ tục xét duyệt hỗ trợ doanh nghiệp; cắt giảm các thành phần hồ sơ trùng lặp, đẩy mạnh tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến nhằm nâng mức độ thuận lợi khi tiếp cận chính sách hỗ trợ, hạn chế tình trạng doanh nghiệp bỏ cuộc do thủ tục phức tạp.

- Thành lập đầu mối tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ tại Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; tăng cường tổ chức các hội nghị phổ biến chính sách, tập huấn chuyên đề về hội nhập quốc tế, xuất khẩu, tiêu chuẩn kỹ thuật và chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tăng cường kết nối giữa cơ sở đào tạo nghề, trường cao đẳng với doanh nghiệp nhằm xây dựng chương trình đào tạo sát nhu cầu thực tế; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo thực hành, đào tạo kỹ năng số và kỹ năng nghề cho lao động nhằm tiếp tục duy trì lợi thế về chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

1.8. Chỉ số Thiết chế pháp lý (trọng số 10%)

Năm 2025, chỉ số Thiết chế pháp lý của tỉnh Khánh Hòa đạt 7,05 điểm, xếp thứ 21/34 tỉnh, thành phố; trong khi điểm thấp nhất cả nước là 6,01 điểm, điểm trung vị cả nước là 7,29 điểm và điểm cao nhất cả nước là 7,94 điểm. Chi tiết kết quả từng chỉ tiêu thành phần của chỉ số Thiết chế pháp lý như sau:

Biểu 10: Chỉ số Thiết chế pháp lý**Thiết chế pháp lý****a) Kết quả đạt được:**

Theo kết quả khảo sát PCI năm 2025, tỉnh Khánh Hòa được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá tích cực ở nhiều chỉ tiêu liên quan đến thiết chế pháp lý và an ninh trật tự. Số vụ tranh chấp của doanh nghiệp do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 1.000 doanh nghiệp chỉ ở mức 0,48 vụ, thuộc nhóm thấp nhất cả nước, cho thấy môi trường kinh doanh của tỉnh tương đối ổn định, các tranh chấp phát sinh không nhiều và phần lớn được kiểm soát ở mức thấp.

Bên cạnh đó, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn được doanh nghiệp đánh giá tốt với tỷ lệ 83,50%, cao hơn mức trung vị cả nước (83,13%), góp phần tạo tâm lý an tâm cho doanh nghiệp và nhà đầu tư khi hoạt động sản xuất kinh doanh tại địa phương. Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh bị trộm cắp hoặc đột nhập chỉ ở mức 5,88%, thấp hơn trung vị cả nước (7,07%), cho thấy lực lượng Công an tỉnh đã thực hiện khá hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ tài sản và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt tại các khu công nghiệp và cơ sở sản xuất.

Ngoài ra, tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng và sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết tranh chấp kinh tế đạt 40,20%, cao hơn nhiều so với mức trung vị cả nước (22,01%) và tiệm cận mức cao nhất cả nước (43,20%). Điều này cho thấy niềm tin của doanh nghiệp đối với hệ thống tòa án trong giải quyết các tranh chấp kinh tế từng bước được cải thiện.

b) Tôn tại, hạn chế:

Mặc dù doanh nghiệp đánh giá khá tích cực về niềm tin đối với tòa án, tuy nhiên tỷ lệ doanh nghiệp lựa chọn các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế như hòa giải, trọng tài vẫn ở mức cao 65,96%, cao hơn trung vị cả nước (60,61%). Điều này cho thấy khi xảy ra tranh chấp kinh tế, nhiều doanh nghiệp vẫn có xu hướng tự thương lượng, giải quyết nội bộ hoặc chấp nhận thiệt hại thay vì chủ động sử dụng các thiết chế pháp lý chính thức để bảo vệ quyền lợi của mình.

Bên cạnh đó, chỉ tiêu doanh nghiệp đánh giá tòa án xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật đạt 82,18%, thuộc nhóm thấp nhất cả nước; trong khi chỉ tiêu tòa án xét xử nhanh chóng đạt 87,13%, thấp hơn mức trung vị cả nước (88,72%). Điều này cho thấy chất lượng xét xử, tính ổn định trong áp dụng pháp luật và mức độ tin cậy về chuyên môn của hệ thống tòa án vẫn còn những mặt cần tiếp tục cải thiện nhằm nâng cao niềm tin của doanh nghiệp đối với thiết chế pháp lý tại địa phương.

c) Đề xuất giải pháp khắc phục:

- Công khai đầy đủ quy trình, thủ tục và các bước giải quyết vụ việc kinh doanh thương mại tại Tòa án trên môi trường điện tử để doanh nghiệp dễ theo dõi, chủ động chuẩn bị hồ sơ và hạn chế tâm lý e ngại về thời gian giải quyết kéo dài.

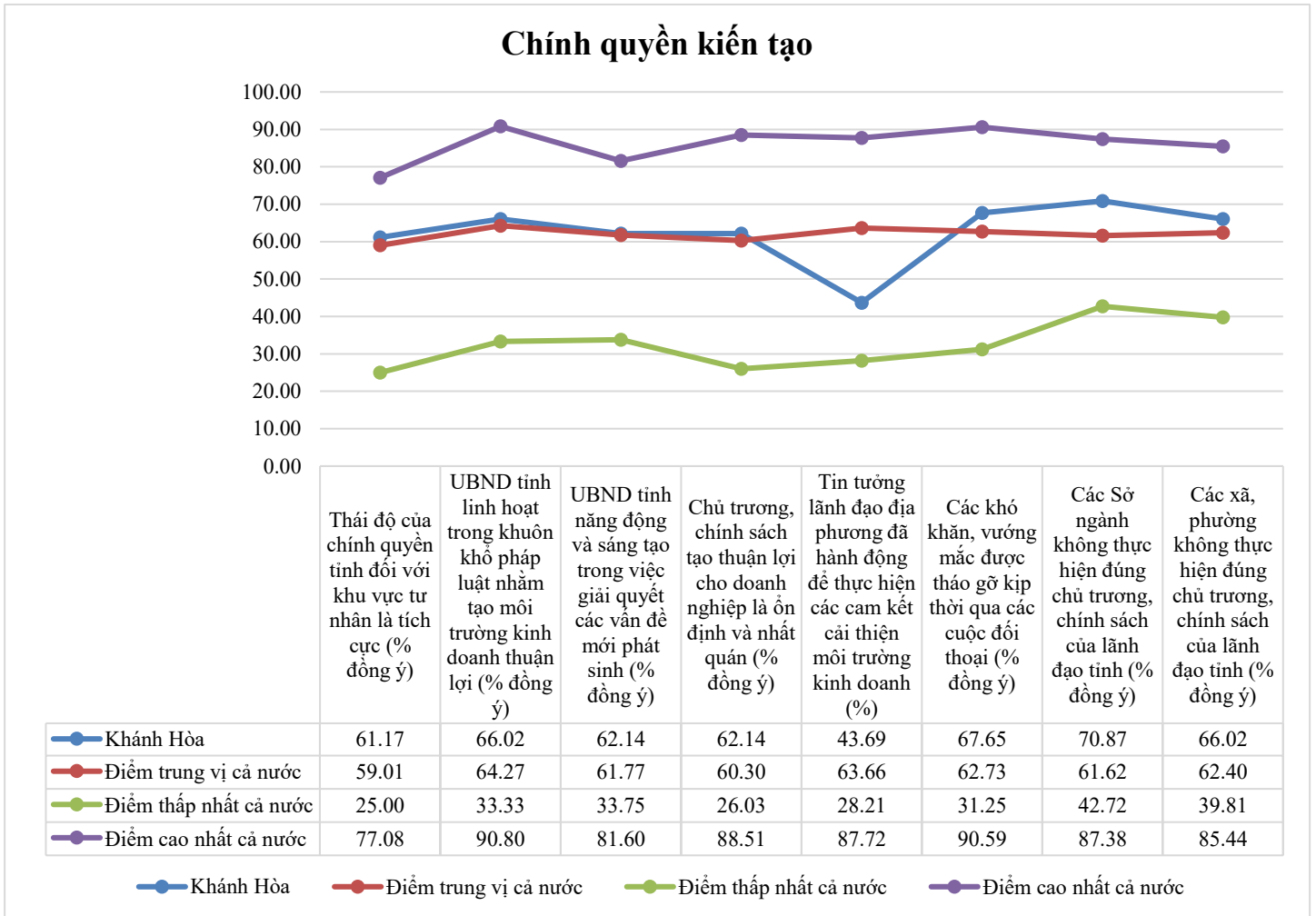
- Đẩy mạnh thực hiện các thủ tục tố tụng trực tuyến như nộp đơn khởi kiện, bổ sung tài liệu chứng cứ, nộp án phí và tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ nhằm giảm thời gian đi lại, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình giải quyết tranh chấp.

- Định kỳ tổ chức các chương trình đối thoại, tập huấn “Pháp luật và Doanh nghiệp” nhằm hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao kỹ năng pháp lý, đặc biệt là việc sử dụng các điều khoản hòa giải, trọng tài thương mại trong hợp đồng kinh tế để hạn chế rủi ro tranh chấp.

- Tăng cường tuần tra, kiểm soát tại các khu công nghiệp, khu sản xuất tập trung; đồng thời mở rộng hệ thống camera an ninh kết nối giữa doanh nghiệp với lực lượng Công an địa phương nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi trộm cắp, xâm nhập trái phép, bảo đảm an ninh, an toàn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.9. Chỉ số Chính quyền kiến tạo (trọng số 15%)

Năm 2025, chỉ số Chính quyền kiến tạo của tỉnh Khánh Hòa đạt 5,32 điểm, xếp thứ 22/34 tỉnh, thành phố; trong khi điểm cao nhất cả nước là 6,67 điểm, điểm thấp nhất cả nước là 2,78 điểm và trung vị cả nước là 5,46 điểm. Chi tiết kết quả từng chỉ tiêu thành phần của chỉ số Chính quyền kiến tạo như sau:

Biểu 11: Chỉ số Chính quyền kiến tạo**a) Kết quả đạt được:**

Theo kết quả khảo sát PCI năm 2025, cộng đồng doanh nghiệp đánh giá khá tích cực về tính năng động và tinh thần đồng hành của chính quyền tỉnh Khánh Hòa. Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực đạt 61,17%, cao hơn mức trung vị cả nước (59,01%). Bên cạnh đó, UBND tỉnh được đánh giá linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (66,02%) và năng động, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề phát sinh (62,14%), đều cao hơn mức trung vị cả nước.

Ngoài ra, có tới 67,65% doanh nghiệp cho rằng khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời thông qua các hội nghị đối thoại doanh nghiệp, cao hơn mức trung vị cả nước (62,73%), cho thấy công tác gặp gỡ, đối thoại doanh nghiệp của tỉnh đã phát huy hiệu quả nhất định. Đồng thời, các chủ trương, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được đánh giá tương đối ổn định, nhất quán, góp phần tạo niềm tin cho doanh nghiệp yên tâm đầu tư, sản xuất kinh doanh lâu dài tại địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế:

Mặc dù được đánh giá tích cực về tính năng động và tinh thần đồng hành với doanh nghiệp, tuy nhiên mức độ tin tưởng của doanh nghiệp vào việc lãnh đạo địa phương thực hiện các cam kết còn chưa cao. Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng lãnh đạo địa phương sẽ hành động để thực hiện cam kết chỉ đạt 43,69%, thấp hơn mức trung vị cả nước, cho thấy cộng đồng doanh nghiệp vẫn còn băn khoăn về tính hiệu quả và khả năng triển khai thực tế các cam kết, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh.

Bên cạnh đó, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng các sở, ngành và chính quyền cấp phường, xã chưa thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh ở mức khá cao, lần lượt đạt 70,87% và 66,02%. Điều này phản ánh tình trạng thiếu đồng bộ trong tổ chức thực hiện giữa cấp tỉnh với các cơ quan, đơn vị trực tiếp xử lý công việc; chủ trương, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh ở một số trường hợp chưa được triển khai đầy đủ, thống nhất đến cấp thực thi, ảnh hưởng đến niềm tin và trải nghiệm của doanh nghiệp trong quá trình làm việc với cơ quan nhà nước.

c) Đề xuất giải pháp khắc phục:

- Khắc phục tâm lý sợ sai, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; khuyến khích tinh thần chủ động, năng động, sáng tạo và dám tham mưu xử lý công việc trong khuôn khổ quy định pháp luật nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra công vụ định kỳ và đột xuất đối với việc thực hiện các thông báo kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh tại các sở, ban, ngành, địa phương; kịp thời chấn chỉnh tình trạng chậm triển khai hoặc thực hiện không đúng chỉ đạo.

- Toàn bộ kiến nghị của doanh nghiệp tại các hội nghị đối thoại cần được cập nhật trên hệ thống theo dõi trực tuyến, phân công rõ cơ quan chủ trì xử lý, thời hạn hoàn thành và công khai kết quả giải quyết; đồng thời cho phép doanh nghiệp đánh giá mức độ hài lòng đối với kết quả xử lý của từng cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao trách nhiệm thực thi và hạn chế tình trạng nhùng nhằng, đùn đẩy trách nhiệm.

2. Chỉ số Hiệu quả Kinh tế Tư nhân (BPI)

2.1. Phân tích chi tiết 23 chỉ tiêu thành phần

(1) Nhóm chỉ tiêu đạt kết quả tích cực, vượt mức trung vị cả nước

Nhiều chỉ tiêu phản ánh quy mô phát triển doanh nghiệp, tốc độ tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh và xu hướng đổi mới sáng tạo của tỉnh đạt kết quả tích cực, cao hơn mức trung vị cả nước. Điều này cho thấy khu vực kinh tế tư nhân của tỉnh đang có sự phục hồi và phát triển tương đối tốt, đồng thời từng bước thích ứng với xu hướng chuyển đổi số, đổi mới công nghệ và phát triển bền vững. Cụ thể một số chỉ tiêu đạt kết quả tích cực, vượt mức trung vị cả nước như sau:

- Chỉ tiêu 1, 3: Các chỉ tiêu về quy mô doanh nghiệp cho thấy môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh vẫn duy trì được sức hấp dẫn nhất định đối với khu vực kinh tế tư nhân. Số doanh nghiệp tư nhân thành lập mới trên 1.000 dân đạt 1,51 doanh nghiệp, cao hơn mức trung vị cả nước (1,12 doanh nghiệp); số doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân đạt 7,73 doanh nghiệp, cao gần gấp đôi mức trung vị cả nước (4,46 doanh nghiệp). Điều này phản ánh xu hướng gia tăng số lượng doanh nghiệp tham gia thị trường, cho thấy hoạt động khởi sự kinh doanh trên địa bàn tỉnh vẫn duy trì được mức tăng trưởng tích cực.

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động đạt 80,64%, cao hơn mức trung vị cả nước (77,27%), cho thấy khả năng duy trì hoạt động của doanh nghiệp tương đối ổn định. Kết quả này phản ánh nỗ lực của tỉnh trong cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất và thích ứng với bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động.

- Chỉ tiêu 7, 8: Các chỉ tiêu về tăng trưởng doanh thu và lao động cũng ghi nhận kết quả tích cực. Tăng trưởng doanh thu doanh nghiệp đạt 7,2%, cao hơn đáng kể so với mức trung vị cả nước (1,44%); tăng trưởng lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động đạt 6,32%, cao hơn nhiều so với mức trung vị (2,45%). Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có dấu hiệu phục hồi tốt, quy mô hoạt động được mở rộng, nhu cầu sử dụng lao động tăng lên, góp phần tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

- Chỉ tiêu 11, 12, 13: Đối với khu vực hộ kinh doanh phi nông nghiệp, các chỉ tiêu cũng cho thấy sự phát triển tương đối ổn định. Số hộ kinh doanh phi nông nghiệp trên 1.000 dân đạt 50,89 hộ, cao hơn mức trung vị cả nước (49,76 hộ); tốc độ tăng trưởng lao động hộ kinh doanh phi nông nghiệp đạt 1,45% và tốc độ tăng trưởng hộ kinh doanh phi nông nghiệp đạt 2,26%, đều cao hơn mức trung vị cả nước. Kết quả này phản ánh thực tế rằng khu vực kinh tế cá thể vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế địa phương, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân và duy trì tính năng động của thị trường.

- Chỉ tiêu 14, 15: Các chỉ tiêu liên quan đến phát triển bền vững và bảo vệ môi trường của doanh nghiệp đạt kết quả khá tích cực. Chỉ tiêu hành động môi trường trong 2 năm gần nhất đạt 3,92 điểm, cao hơn mức trung vị cả nước (3,81 điểm); chỉ tiêu hành động môi trường trước 2 năm gần nhất đạt 1,55 điểm, cao hơn nhiều so với mức trung vị (0,73 điểm). Điều này cho thấy nhận thức của doanh nghiệp về trách nhiệm môi trường đang dần được cải thiện, doanh nghiệp đã quan tâm nhiều hơn đến các hoạt động tiết kiệm năng lượng, xử lý chất thải, sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường và hướng tới mô hình phát triển bền vững.

- Chỉ tiêu 17, 18: Nhóm chỉ tiêu về đổi mới sáng tạo và nghiên cứu phát triển ghi nhận nhiều kết quả nổi bật. Tỷ lệ doanh nghiệp có bộ phận hoặc nhân sự nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt 9,62%, gần gấp đôi mức trung vị cả nước (4,97%). Đồng thời, tỷ lệ doanh nghiệp chi ít nhất 3% doanh thu cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3,85%, cao hơn mức trung vị (3,11%). Đây là tín hiệu tích cực cho thấy doanh nghiệp

trên địa bàn tỉnh đã bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến việc nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua đổi mới công nghệ, cải tiến sản phẩm và ứng dụng công nghệ số vào hoạt động quản trị, sản xuất kinh doanh.

- Chỉ tiêu 23: Số đơn sáng chế và giải pháp hữu ích trên 1.000 doanh nghiệp đạt 1,16 đơn, cao hơn đáng kể so với mức trung vị cả nước là 0,66 đơn. Kết quả này cho thấy hoạt động nghiên cứu, sáng tạo và đăng ký sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp trong tỉnh đang có xu hướng phát triển tích cực, phản ánh bước chuyển biến trong tư duy đổi mới sáng tạo và nâng cao giá trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

Nhìn chung, nhóm chỉ tiêu đạt kết quả tích cực cho thấy tỉnh đã hình thành được nền tảng tương đối thuận lợi cho phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt ở các khía cạnh về mở rộng quy mô doanh nghiệp, tăng trưởng doanh thu, tạo việc làm và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Đây là cơ sở quan trọng để tỉnh tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế bền vững trong thời gian tới.

(2) Nhóm chỉ tiêu còn thấp, là điểm nghẽn cần tập trung cải thiện

Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, nhiều chỉ tiêu quan trọng vẫn thấp hơn mức trung vị cả nước, phản ánh những hạn chế về chất lượng tăng trưởng, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Chỉ tiêu 2, 4: Tỷ lệ thành lập doanh nghiệp mới chỉ đạt 19,55%, thấp hơn mức trung vị cả nước (23,61%). Kết quả này cho thấy tốc độ gia nhập thị trường của doanh nghiệp còn chậm, môi trường khởi sự kinh doanh chưa thực sự tạo động lực mạnh cho các nhà đầu tư và hộ kinh doanh chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp. Đồng thời, tăng trưởng doanh nghiệp đang hoạt động chỉ đạt 0,91%, thấp hơn đáng kể so với mức trung vị (3,07%), phản ánh số lượng doanh nghiệp duy trì hoạt động ổn định và mở rộng quy mô còn hạn chế.

- Chỉ tiêu 6: Chỉ tiêu doanh thu trên mỗi lao động đạt 1,42 tỷ đồng/lao động, thấp hơn mức trung vị cả nước (1,90 tỷ đồng/lao động), cho thấy năng suất lao động và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực chưa cao. Điều này phản ánh phần lớn doanh nghiệp của tỉnh vẫn hoạt động ở quy mô nhỏ, năng lực quản trị và trình độ công nghệ còn hạn chế, chưa tạo ra nhiều giá trị gia tăng trong sản xuất kinh doanh.

- Chỉ tiêu 9: Tỷ lệ doanh nghiệp có lãi trong năm gần nhất chỉ đạt 53%, thấp hơn mức trung vị cả nước (60,43%). Điều này cho thấy khả năng chống chịu và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp còn yếu, nhiều doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn về chi phí đầu vào, thị trường tiêu thụ, khả năng tiếp cận vốn và sức ép cạnh tranh ngày càng lớn.

- Chỉ tiêu 10: Tỷ lệ doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh trong hai năm tới chỉ đạt 25,74%, thấp hơn khá nhiều so với mức trung vị cả nước (31,57%). Kết quả này phản ánh tâm lý thận trọng của doanh nghiệp trước những biến động kinh tế và triển vọng thị trường chưa thực sự tích cực. Đồng thời, điều này cũng cho thấy niềm tin của doanh nghiệp đối với môi trường đầu tư kinh doanh và khả năng phục hồi tăng trưởng vẫn còn hạn chế.

- Chỉ tiêu 16: Đối với lĩnh vực phát triển xanh và đổi mới công nghệ, tỷ lệ doanh nghiệp nhận hỗ trợ công nghệ sạch từ tỉnh chỉ đạt 0,28%, thấp hơn mức trung vị cả nước (0,35%). Kết quả này cho thấy các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ sạch, công nghệ thân thiện môi trường chưa thực sự lan tỏa rộng trong cộng đồng doanh nghiệp; khả năng tiếp cận thông tin, nguồn lực hỗ trợ và cơ chế khuyến khích chuyển đổi xanh vẫn còn hạn chế.

- Chỉ tiêu 19, 20: Các chỉ tiêu về cải tiến quy trình kinh doanh và ứng dụng công nghệ số cũng ở mức thấp. Mức độ cải tiến quy trình kinh doanh trong hai năm gần nhất đạt 0,45 điểm, thấp hơn mức trung vị (0,49 điểm); mức độ sử dụng giải pháp số bình quân đạt 1,24 điểm, thấp hơn mức trung vị (1,26 điểm). Điều này cho thấy quá trình chuyển đổi số của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn diễn ra chậm, chủ yếu tập trung ở các giải pháp đơn giản, chưa tạo được chuyển biến rõ nét trong mô hình quản trị và nâng cao năng suất lao động.

- Chỉ tiêu 21, 22: Khả năng tham gia chuỗi cung ứng và liên kết sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ doanh nghiệp tư nhân tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI chỉ đạt 1,96%, gần tương đương nhưng vẫn thấp hơn mức trung vị cả nước (1,97%). Đồng thời, tỷ lệ doanh nghiệp liên kết chuỗi cung ứng với doanh nghiệp tư nhân trong nước chỉ đạt 39,22%, thấp khá xa so với mức trung vị (50%). Điều này cho thấy doanh nghiệp địa phương chưa hình thành được mạng lưới liên kết sản xuất - tiêu thụ hiệu quả, năng lực đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng và quy mô cung ứng còn hạn chế, dẫn đến khó tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

Nhìn chung, nhóm chỉ tiêu còn thấp phản ánh khu vực kinh tế tư nhân của tỉnh mặc dù có sự tăng trưởng về số lượng nhưng chất lượng phát triển chưa thực sự bền vững. Hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, mức độ liên kết chuỗi giá trị và khả năng ứng dụng công nghệ còn hạn chế. Trong thời gian tới, tỉnh cần tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tăng cường kết nối doanh nghiệp địa phương với các chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân.

2.2. Đề xuất giải pháp khắc phục

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký sở hữu trí tuệ, sáng chế và giải pháp hữu ích.

- Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp, Sở Tài chính và Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch nghiên cứu áp dụng chính sách ưu đãi về đất đai, thủ tục đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp đối với các dự án FDI có cam kết tỷ lệ nội địa hóa cao, sử dụng doanh nghiệp trong tỉnh làm nhà cung ứng trong chuỗi sản xuất.

- Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu và hiệp hội doanh nghiệp tăng cường cơ chế đặt hàng nghiên cứu, kết nối doanh nghiệp với các đơn vị khoa học công nghệ nhằm thúc đẩy đổi mới công nghệ, nâng cao tỷ lệ sáng chế và giải pháp hữu ích trên địa bàn tỉnh.

- Sở Công Thương chủ trì hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp FDI; đẩy mạnh hoạt động kết nối cung cầu, xúc tiến thương mại và phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- UBND cấp xã tăng cường đối thoại doanh nghiệp, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp duy trì và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các sở, ngành liên quan tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ đầu tư, đất đai, xây dựng và môi trường; nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Trên đây là báo cáo, phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp của Sở Tài chính đối với kết quả Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Hiệu quả Kinh tế tư nhân (BPI) tỉnh Khánh Hòa năm 2025.

Sở Tài chính kính báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu VT, VP, LQLam.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hoàng Sơn